

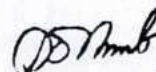
LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2025

Phụ lục 3

DANH SÁCH THÍ SINH PHÚC TRA HỘI ĐỒNG CÔNG BỐ ĐIỂM SAU
KỲ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Thông báo số 64/TB-HĐKT ngày 01 tháng 8 năm 2025
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1/2025)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh
1	Hoàng Thị	Linh	19/05/1995	Tp. HCM	0503
2	Lê Thùy	Như	06/10/1980	Tp. HCM	0704
3	Lê Đoàn Thu	Phương	02/02/1998	TP. Huế	0774
4	Ngô Ngọc	Trà	12/12/2000	TP. Hà Nội	649
5	Nguyễn Thị	Mai	02/11/1992	Thái Bình	424



LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2025

Phụ lục 1



KẾT QUẢ PHỨC TRA
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2025
KHU VỰC PHÍA NAM

(Ban hành kèm theo Thông báo số 64/TB-HĐKT ngày 01 tháng 8 năm 2025
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1/2025)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
1	Nguyễn Ngọc Minh	Ân	24/01/1997	TP. HCM	0007	45.25	79.5	72.5	50		ĐẠT
2	Võ Hoàng	Ân	28/08/1995	TP. HCM	0008	42.5	75.25	57.5	46.25		KHÔNG ĐẠT
3	Đặng Văn	Ân	23/06/1963	Tp. HCM	0009	28.75	59.25	52.5	35		KHÔNG ĐẠT
4	Đỗ Thị Minh	Anh	09/10/1998	TP. HCM	0013	33.7	63.75	52.5	40		KHÔNG ĐẠT
5	Lê Hoàng Tường	Anh	28/07/1996	TP. Hà Nội	0016	28	51.75	50	28.75		KHÔNG ĐẠT
6	Lê Tuấn	Anh	26/10/1987	Tp. HCM	0021	38	58.5	50	32.75		KHÔNG ĐẠT
7	Ngô Thị Tuyết	Anh	27/11/1994	Tp. HCM	0023	39	86.5	57.5	32		KHÔNG ĐẠT
8	Nguyễn Dư Ngọc	Anh	01/12/1999	TP. HCM	0024	31.75	76.25	50	32		KHÔNG ĐẠT
9	Nguyễn Hồng	Anh	13/09/1977	Ninh Thuận	0028	42.25	78.25	62.5	39.5		KHÔNG ĐẠT
10	Nguyễn Hữu	Anh	05/02/1985	TP. HCM	0029	46.5	58	55	40.75		KHÔNG ĐẠT
11	Nguyễn Ngọc	Anh	04/08/1984	Tp. HCM	0032	41.25	62	72.5	27.75		KHÔNG ĐẠT
12	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/07/1997	Đà Nẵng	0035	38.25	42.75	77.5	28	41	KHÔNG ĐẠT
13	Nguyễn Thị Tường	Anh	02/02/1995	Tp. HCM	0038	41.25	66.25	67.5	29		KHÔNG ĐẠT

(Signature)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và U'XNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và U'XNNLSVN	KẾT QUẢ
14	Nguyễn Thị Vân	Anh	03/03/1980	Đồng Nai	0039	37.75	50	77.5	50		ĐẠT
15	Võ Phúc	Anh	24/02/1991	Bình Phước	0053	38.25	76.5	60	42.5		KHÔNG ĐẠT
16	Vũ Tuấn	Anh	17/01/1994	Tp. HCM	0055	41	58.75	65	24		KHÔNG ĐẠT
17	Bùi Ngọc Nguyên	Bình	22/07/1999	Bình Thuận	0070	47.75	64	62.5	50		ĐẠT
18	Đỗ Thanh	Bình	23/05/1997	TP. HCM	0071	53.75	42	60		45.5	KHÔNG ĐẠT
19	Lê Văn	Bình	01/09/1996	Bình Dương	0073	35.25	82.5	62.5	41.75		KHÔNG ĐẠT
20	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	27/01/1986	TP. HCM	0079	45.25	69.75	50	44		KHÔNG ĐẠT
21	Nguyễn Minh	Cảnh	12/05/1998	Tp. HCM	0082	45.5	64	68.5	41		KHÔNG ĐẠT
22	Huỳnh Thị Kim	Chi	05/01/1991	TP. HCM	0088	57.25	42	57.5		43.25	KHÔNG ĐẠT
23	Đoàn Công	Chính	29/08/1994	TP. HCM	0094	35.5	63.25	80	42.25		KHÔNG ĐẠT
24	Lê Văn	Chính	16/11/1989	TP. HCM	0095	52.5	43.75	71		54	ĐẠT
25	Nguyễn Văn	Chương	21/03/1990	Khánh Hòa	0104	36.25	54.25	50	50		ĐẠT
26	Nguyễn Minh	Công	05/02/1979	Đồng Nai	0108	41.75	75.5	61.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
27	Đoàn Mỹ	Cúc	26/02/1999	TP. HCM	0110	40.75	77	79	50		ĐẠT
28	Nguyễn Chí	Cường	18/12/1977	Tp. HCM	0116	28.5	42.75	71	33.25	36.5	KHÔNG ĐẠT
29	Nguyễn Hùng	Cường	09/10/1965	Cà Mau	0118	39.5	54	75.5	25.75		KHÔNG ĐẠT
30	Lê Thanh	Đặng	16/09/1987	Cà Mau	0131	40.5	61.25	50	42.25		KHÔNG ĐẠT
31	Trần Thị Ánh	Đào	08/04/1980	Tp. HCM	0132	55	43	60		40.25	KHÔNG ĐẠT
32	Trịnh Thị	Đào	14/08/1986	TP. HCM	0133	39.5	52.5	52.5	29.75		KHÔNG ĐẠT
33	Đỗ Thành	Đạt	17/12/1999	TP. HCM	0135	33.75	56.25	57.5	32		KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
34	Lê Quang	Đạt	08/01/1998	Tp. HCM	0137	42.25	67	77.5	43.75		KHÔNG ĐẠT
35	Trần Tấn	Đạt	02/07/1996	Cần Thơ	0142	32.5	63.5	50	39.25		KHÔNG ĐẠT
36	Nguyễn Thị Thúy	Điểm	15/01/1974	Tiền Giang	0148	62.75	46	60		37	KHÔNG ĐẠT
37	Hồ Thúy	Điểm	27/07/1995	Bình Dương	0155	41.5	81.5	60	35.5		KHÔNG ĐẠT
38	Nguyễn Ngọc	Điểm	24/10/1989	Cần Thơ	0156	38.25	60.25	65	36.25		KHÔNG ĐẠT
39	Võ Hiền	Điểm	02/05/1999	TP. HCM	0171	24	88	50	16.25		KHÔNG ĐẠT
40	Phạm Thị Thùy	Dung	22/09/1997	TP. HCM	0179	41.5	69	50	41.5		KHÔNG ĐẠT
41	Trần Nguyễn Phượng	Dung	15/09/1987	Tp. HCM	0180	46.5	54.5	50	41.5		KHÔNG ĐẠT
42	Đào Văn	Dũng	29/02/1992	TP. HCM	0183	37.75	52.5	74.5	44.75		KHÔNG ĐẠT
43	Lê Minh Bảo	Dũng	30/04/1994	TP. HCM	0185	44.5	41.75	58.5	34.25	45.5	KHÔNG ĐẠT
44	Trần Việt	Dũng	25/08/1989	TP. HCM	0191	31.875	67.5	72	39		KHÔNG ĐẠT
45	Kim Ngọc	Dương	28/11/1998	Đồng Nai	0197	45.25	74	67	46.75		KHÔNG ĐẠT
46	Lê Thị Thùy	Dương	21/10/1964	An Giang	0198	38.5	53	56	39.5		KHÔNG ĐẠT
47	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	19/03/1998	Tp. HCM	0201	38	57.5	64	36.25		KHÔNG ĐẠT
48	Phan Trần Đăng	Duy	16/01/1996	Tp. HCM	0215	35.75	50.5	60	33.25		KHÔNG ĐẠT
49	Trần Phước	Duy	26/04/1997	TP. HCM	0216	41.25	62.5	67.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
50	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	19/01/1997	TP. HCM	0219	40.25	87.5	62.5	37		KHÔNG ĐẠT
51	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	02/02/1999	Tp. HCM	0226	43	77.25	65	33.5		KHÔNG ĐẠT
52	Nguyễn Văn	E	08/03/1968	Cần Thơ	0229	39	59	72.5	42.75		KHÔNG ĐẠT
53	Trần Hoàng	Gia	16/06/1997	TP. HCM	0232	36	65	67.5	38.75		KHÔNG ĐẠT

ĐB NMB

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
54	Trần Bảo	Giang	05/02/1985	Đồng Nai	0239	43	75.5	77.5	40		KHÔNG ĐẠT
55	Võ Đông	Giang	19/05/1975	Tây Ninh	0243	40.25	48.5	51.5	26.75	44.625	KHÔNG ĐẠT
56	Từ Ngọc	Giáp	01/08/1979	TP. HCM	0246	26.5	50.25	61.5	24		KHÔNG ĐẠT
57	Nguyễn Thanh	Giàu	27/06/1997	Tp. HCM	0248	44.5	86.75	60	40.25		KHÔNG ĐẠT
58	Huỳnh Minh	Giới	10/06/1980	TP. HCM	0249	29.5	76.5	76	32.25		KHÔNG ĐẠT
59	Đặng Văn	Hà	05/05/1986	Tp. HCM	0252	40.5	59	70.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
60	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/09/1999	Tp. HCM	0258	43.75	80.5	70.5	44.5		KHÔNG ĐẠT
61	Quách Mạnh	Hà	26/02/1981	Tây Ninh	0262	34.75	65.5	65	34.75		KHÔNG ĐẠT
62	Phạm Phú	Hải	15/03/1979	Quảng Trị	0277	36.25	50.5	52.5	30.75		KHÔNG ĐẠT
63	Phạm Văn	Hải	02/11/1978	Tp. HCM	0278	37.75	58.5	72.5	31.75		KHÔNG ĐẠT
64	Trịnh Quốc	Hải	16/05/1985	Bình Dương	0281	39.5	65.75	65	48.75		KHÔNG ĐẠT
65	Bùi Thị Ngọc	Hân	22/03/1994	TP. HCM	0282	41.5	80	65	37.25		KHÔNG ĐẠT
66	Hồ Thị Thanh	Hằng	08/06/1999	TP. HCM	0288	75	42.5	65		44.5	KHÔNG ĐẠT
67	Nguyễn Thị Minh	Hằng	16/04/1994	TP. HCM	0291	46.75	78	72	51.25		ĐẠT
68	Nguyễn Vũ Cẩm	Hằng	07/09/1991	TP. HCM	0293	41.75	76.5	70	43		KHÔNG ĐẠT
69	Trần Thị Mỹ	Hằng	02/11/1999	Tp. HCM	0297	38	77	75	42.25		KHÔNG ĐẠT
70	Nguyễn Thị	Hảo	10/12/1995	TP. HCM	0309	61	44.25	61		52.5	ĐẠT
71	Huỳnh Ngọc	Hậu	05/12/1971	Cà Mau	0311	54	37	50		41.75	KHÔNG ĐẠT
72	Nguyễn Duy	Hậu	23/04/1984	Bình Thuận	0313	44	65.5	50	50		ĐẠT
73	Phan Dương Thục	Hiền	11/03/1999	TP. HCM	0324	29	57	57.5	45		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
74	Đặng Minh	Hiệp	25/03/1982	Bình Thuận	0328	27.25	62.25	50	25.5		KHÔNG ĐẠT
75	Thân Xuân	Hiệp	20/11/1976	Đồng Nai	0330	43.25	72.75	50	50		ĐẠT
76	Trần Minh	Hiếu	19/08/1995	Kiên Giang	0334	42.5	73	52.5	40.5		KHÔNG ĐẠT
77	Danh Minh	Hòa	11/03/1993	Tp. HCM	0338	40.25	57.25	62.5	52		ĐẠT
78	Nguyễn Tấn	Hòa	20/10/1976	Quảng Ngãi	0340	59.75	41.25	52.5		38.5	KHÔNG ĐẠT
79	Nguyễn Thị	Hòa	14/05/1979	TP. HCM	0341	41.25	52	52.5	39		KHÔNG ĐẠT
80	Phan Thị Ái	Hòa	08/05/1975	Tp. HCM	0342	42	51.5	60	37.25		KHÔNG ĐẠT
81	Lê Thanh	Hoàng	28/02/1995	Quảng Trị	0351	39.25	76.5	72.5	27.25		KHÔNG ĐẠT
82	Võ Thị	Hồng	16/09/1998	Tp. HCM	0370	39.5	74.75	70	38.25		KHÔNG ĐẠT
83	Hoàng Mạnh	Hùng	16/10/1976	Tp. HCM	0376	39.5	52.75	50	42.5		KHÔNG ĐẠT
84	Hồng	Hùng	09/07/1953	Đồng Nai	0377	32.75	64	77.5	21.25		KHÔNG ĐẠT
85	Lê Văn	Hùng	10/09/1979	TP. HCM	0378	50.25	39	52.5		42	KHÔNG ĐẠT
86	Lương Mạnh	Hùng	24/09/1985	Tp. HCM	0379	40.5	53.5	50	30		KHÔNG ĐẠT
87	Nguyễn Hoàng	Hùng	07/08/1984	TP. HCM	0380	51.375	44	80		51.75	ĐẠT
88	Bùi Văn	Hưng	20/01/1997	TP. HCM	0383	46.75	72.25	77.5	50		ĐẠT
89	Vương Thị	Hường	01/01/1984	TP. HCM	0402	39.5	75	60	50		ĐẠT
90	Nguyễn Ngọc Gia	Huy	11/03/1999	TP. HCM	0409	40.25	66	57	38.75		KHÔNG ĐẠT
91	Phạm Đức	Huy	22/12/1976	TP. HCM	0412	45.75	60.75	50.5	33.5		KHÔNG ĐẠT
92	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/08/1997	Tp. HCM	0423	41.75	56.5	57.5	35		KHÔNG ĐẠT
93	Phạm Ngọc Thanh	Huyền	18/04/1985	Tp. HCM	0425	39.5	58.25	50	45.25		KHÔNG ĐẠT

Đ. N. M. B.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
94	Trần Huỳnh Ngọc	Huyền	03/02/1999	TP. HCM	0427	45.5	79.5	72.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
95	Trần Định	Khải	08/01/1997	Bình Định	0437	52	38	57.5		47	KHÔNG ĐẠT
96	Trần Thanh	Khải	01/12/1989	Kiên Giang	0438	35.75	39.5	52.5	20	44	KHÔNG ĐẠT
97	Thái Thúc Trần	Khang	07/07/1995	TP. HCM	0442	37	66.5	62.5	36.25		KHÔNG ĐẠT
98	Huỳnh Công	Khanh	28/07/1995	TP. HCM	0443	38.5	52	58.5	33.25		KHÔNG ĐẠT
99	Nguyễn Duy	Khánh	25/12/1989	Đồng Nai	0445	32.75	70.5	57.5	25.5		KHÔNG ĐẠT
100	Nguyễn Mỹ	Khánh	06/09/1994	TP. HCM	0448	40.75	77.25	63.5	46		KHÔNG ĐẠT
101	Lâm Chinh	Khâu	06/11/1985	Tp. HCM	0452	32.25	56.5	56.5	35		KHÔNG ĐẠT
102	Đỗ Phương	Khoa	23/03/1999	TP. HCM	0455	43.75	62	61	46		KHÔNG ĐẠT
103	Nguyễn Đăng	Khoa	04/10/1999	TP. HCM	0457	40.75	70.5	63.5	34.5		KHÔNG ĐẠT
104	Nguyễn Đình	Khoa	21/08/1999	TP. HCM	0458	34.25	67.25	60.5	32.75		KHÔNG ĐẠT
105	Trần Tấn	Khoa	12/07/1994	Tp. HCM	0465	41.25	63.25	59	34.25		KHÔNG ĐẠT
106	Quách Thụy Anh	Khuê	18/12/1997	TP. HCM	0469	34.5	59.75	80	29.25		KHÔNG ĐẠT
107	Trần Gia	Khuong	24/08/1999	TP. HCM	0471	39.5	77.25	52.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
108	Trần Thị Ninh	Kiều	02/06/1983	Đồng Nai	0479	45.75	42	62.5	48.5	41	KHÔNG ĐẠT
109	Nguyễn Thị	Kim	01/09/1995	TP. Huế	0481	34.25	53	67.5	45.75		KHÔNG ĐẠT
110	Đoàn Thị Kim	Lâm	24/10/1992	TP. HCM	0484	37.25	62.75	57.5	43.5		KHÔNG ĐẠT
111	Nguyễn Kim	Lâm	29/01/1985	TP. HCM	0486	44.75	66	62.5	45.5		KHÔNG ĐẠT
112	Lê Thị	Lệ	25/03/1990	TP. HCM	0492	36.75	65.5	67.5	38.25		KHÔNG ĐẠT
113	Trần Thị Bích	Liên	25/10/1990	Bình Dương	0499	31.75	42.75	50	38	46.75	KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
114	Lê Hồng Thảo	Linh	27/05/1995	Khánh Hòa	0504	33	74.25	62.5	23.5		KHÔNG ĐẠT
115	Nguyễn Thị Kiều	Linh	10/09/1996	TP. HCM	0508	40.75	65.75	70	46.5		KHÔNG ĐẠT
116	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21/10/1996	Đà Nẵng	0510	43.25	90.5	70	43.75		KHÔNG ĐẠT
117	Lê Thị Li	Loan	22/09/1999	Đà Nẵng	0517	38	80.5	62.5	45.25		KHÔNG ĐẠT
118	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	20/11/1999	TP. HCM	0518	48	60.5	52.5	49		KHÔNG ĐẠT
119	Nguyễn Thị Tuyết	Loan	10/08/1991	TP. HCM	0519	43.5	61	55	50		ĐẠT
120	Trần Thiện Như	Loan	06/11/1978	TP. HCM	0521	41.75	64.5	50	39.25		KHÔNG ĐẠT
121	Phạm Xuân	Lộc	25/04/1983	TP. HCM	0528	44.5	53.5	67.5	45.25		KHÔNG ĐẠT
122	Lâm Thanh	Long	22/10/1979	Cà Mau	0536	28	52	50	23.5		KHÔNG ĐẠT
123	Đặng Thị Xuân	Mai	22/12/1994	Bình Phước	0559	33	55	58.75	26		KHÔNG ĐẠT
124	Bùi Thị	Mẫn	06/01/1985	Tp. HCM	0572	41.5	58	50	37.75		KHÔNG ĐẠT
125	Nguyễn Tất	Mạnh	11/10/1978	Lâm Đồng	0576	34.25	69.75	60	17.5		KHÔNG ĐẠT
126	Nguyễn Thị Diệu	Minh	17/06/1989	TP. Huế	0584	34.25	63	72.5	31.25		KHÔNG ĐẠT
127	Phan Quang	Minh	23/10/1996	Tp. HCM	0589	44.75	62	60	43.25		KHÔNG ĐẠT
128	Trần Hoàng	Minh	20/11/1991	Cần Thơ	0592	44.25	60.75	60	40.75		KHÔNG ĐẠT
129	Trần Lê	Minh	20/04/1998	Đồng Nai	0593	43.75	73.5	55	51.25		ĐẠT
130	Trần Quang	Minh	02/11/1977	TP. HCM	0595	38	54.75	60	31.75		KHÔNG ĐẠT
131	Cao Xuân	Mùi	15/09/1979	TP. HCM	0596	44.75	68.25	55	51		ĐẠT
132	Trần Thị Thanh	Mỹ	06/07/1984	TP. HCM	0615	57	37.5	57.5		42	KHÔNG ĐẠT
133	Đoàn Văn	Nam	02/05/1971	TP. HCM	0617	52	45.125	52.5		41.5	KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
134	Lê Hoàng	Nam	03/06/1993	TP. HCM	0619	43.25	78.5	57.5	35.5		KHÔNG ĐẠT
135	Lê Trần Minh	Ngân	21/11/1997	Tp. HCM	0628	45.25	71.75	67.5	31.5		KHÔNG ĐẠT
136	Nguyễn Thái Phương	Ngân	21/07/1998	TP. HCM	0631	42.25	83	53.5	54		ĐẠT
137	Nguyễn Thanh	Ngân	02/02/1998	TP. HCM	0632	44.5	83.5	55	41.75		KHÔNG ĐẠT
138	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	19/10/1998	TP. HCM	0633	46	78.75	59	48.75		KHÔNG ĐẠT
139	Trần Bảo	Ngân	27/04/1998	TP. HCM	0636	47.5	78	58	50		ĐẠT
140	Lê Phùng Bảo	Ngọc	09/05/1997	Tp. HCM	0649	42.25	40.25	57.5	43.75	46.5	KHÔNG ĐẠT
141	Trần Thị Ánh	Ngọc	20/05/1997	TP. HCM	0658	33.75	71.5	60	42.5		KHÔNG ĐẠT
142	Trần Thụy Bích	Ngọc	02/04/1977	TP. HCM	0660	40.25	66.25	50	29.5		KHÔNG ĐẠT
143	Lý Hồng	Nguyên	17/06/1985	Tp. HCM	0668	44.25	71.5	50	42.5		KHÔNG ĐẠT
144	Nguyễn Thị	Nhiễn	21/01/1990	Cần Thơ	0699	36.75	69.5	57.5	34		KHÔNG ĐẠT
145	Nguyễn Hồng Tố	Như	06/05/1988	TP. HCM	0705	36	54.5	55	35		KHÔNG ĐẠT
146	Lê Thị Hồng	Nhung	27/01/1995	Tp. HCM	0713	33.25	56.5	60	47.25		KHÔNG ĐẠT
147	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/05/1995	TP. HCM	0714	44.25	83.5	57.5	40.5		KHÔNG ĐẠT
148	Trần Trang	Nhung	12/12/1989	TP. HCM	0716	41.25	68.5	60	49		KHÔNG ĐẠT
149	Nguyễn Đào Duy	Nhật	03/02/1995	TP. HCM	0718	33.75	83	55	39.5		KHÔNG ĐẠT
150	Đặng Văn	Ninh	16/08/1984	Tp. HCM	0722	44	76	50	50		ĐẠT
151	Đỗ Hoàng	Oanh	02/03/1984	Bình Dương	0726	33.5	54.5	55	26.25		KHÔNG ĐẠT
152	Nguyễn Thị	Oanh	18/08/1997	TP. HCM	0729	45.5	88.25	62.5	41.75		KHÔNG ĐẠT
153	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	01/08/1992	Bình Thuận	0730	24.25	47.75	50	36	44.25	KHÔNG ĐẠT

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
154	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	08/07/1965	Cần Thơ	0732	27.25	46.75	60	23.5	44.75	KHÔNG ĐẠT
155	Huỳnh Tấn	Phát	12/12/1990	TP. HCM	0737	37	65.5	52.5	39.75		KHÔNG ĐẠT
156	Hồ Văn	Phong	20/11/1964	Tp. HCM	0741	40.25	70.75	70	42.75		KHÔNG ĐẠT
157	Kim Điền	Phong	15/07/1993	Hậu Giang	0742	38.25	50.25	60	50		ĐẠT
158	Lý Hồng	Phước	14/07/1967	Cần Thơ	0757	43.25	44.75	50	38.5	43	KHÔNG ĐẠT
159	Văn Hữu	Phước	03/07/1982	Tp. HCM	0759	35.75	55.5	57.5	35.5		KHÔNG ĐẠT
160	Đỗ Thị	Phương	26/01/1991	TP. HCM	0765	45	73	55	37.5		KHÔNG ĐẠT
161	Khổng Liên	Phương	08/01/1983	Cần Thơ	0770	40	58	52.5	43.25		KHÔNG ĐẠT
162	Lê Đình Quốc	Phương	01/08/1980	Quảng Ngãi	0773	40	31	65	34.5	40	KHÔNG ĐẠT
163	Lê Thị Thu	Phương	14/04/2000	Đà Nẵng	0778	47.5	76.5	77.5	45.5		KHÔNG ĐẠT
164	Nguyễn Hồng	Phương	23/12/1998	Tp. HCM	0780	40.5	75.5	72.5	38.25		KHÔNG ĐẠT
165	Nguyễn Thoại Yến	Phương	11/09/1996	Tp. HCM	0787	38.5	51	50	40.25		KHÔNG ĐẠT
166	Phạm Huỳnh Hoài	Phương	04/09/1984	Kiên Giang	0789	48.75	59.25	65	37.5		KHÔNG ĐẠT
167	Nguyễn Hồng	Quân	06/06/1994	TP. HCM	0798	40.75	83.5	50	38.25		KHÔNG ĐẠT
168	Võ Hoàng	Quân	30/06/1991	Phú Yên	0801	40.75	54	55	43.75		KHÔNG ĐẠT
169	Đình Hoàng Phú	Quang	16/09/1983	Tp. HCM	0803	52.25	44	60		44	KHÔNG ĐẠT
170	Lê Minh	Quang	22/01/1983	Vĩnh Long	0805	44.5	65	75	38.75		KHÔNG ĐẠT
171	Nguyễn Nhật	Quang	05/06/1997	Tp. HCM	0807	34	68.25	50	30.5		KHÔNG ĐẠT
172	Nguyễn Vĩnh	Quốc	14/02/1975	TP. HCM	0810	46.25	43.5	55	50	43.75	KHÔNG ĐẠT
173	Văn Đình	Quốc	22/04/1993	Tp. HCM	0812	31.5	57.5	50	32.75		KHÔNG ĐẠT

Đ. Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
174	Võ Thụy Tam	Quy	08/11/1976	TP. HCM	0813	57.5	42	50		37	KHÔNG ĐẠT
175	Nguyễn Thị Xuân	Quý	10/09/1986	TP. HCM	0815	22.5	57.5	60	32.5		KHÔNG ĐẠT
176	Nguyễn Trọng	Quyền	11/04/1983	Bến Tre	0821	37.25	56.5	60	44.25		KHÔNG ĐẠT
177	Đinh Thị Ngân	Quỳnh	09/06/1995	TP. HCM	0825	48.75	71.5	72.5	44.25		KHÔNG ĐẠT
178	Lê Như	Quỳnh	13/05/1997	TP. HCM	0827	18.75	36.5	50	16.75	35.25	KHÔNG ĐẠT
179	Đỗ Thanh	Sang	23/12/1982	TP. HCM	0839	42.25	53.75	57.5	34		KHÔNG ĐẠT
180	Nguyễn Đình Quốc	Sang	05/11/1995	Tp. HCM	0842	43	76	60	45		KHÔNG ĐẠT
181	Nguyễn Thị	Sen	10/11/1983	Bình Phước	0844	43.75	38.75	50	35.75	47	KHÔNG ĐẠT
182	Phạm Tiến	Sĩ	28/08/1996	Cần Thơ	0845	37	66	65	40		KHÔNG ĐẠT
183	Nguyễn Hồng	Sơn	19/02/1997	Kon Tum	0851	40.5	90.5	70	42.75		KHÔNG ĐẠT
184	Dương Lê	Tài	16/10/1987	TP. Hà Nội	0865	69	42	50		47	KHÔNG ĐẠT
185	Đỗ Huỳnh Thanh	Tâm	20/11/1987	TP. HCM	0873	28	38.5	57	31	39.5	KHÔNG ĐẠT
186	Huỳnh Ngọc Thanh	Tâm	22/03/1984	Tp. HCM	0876	39.5	55.25	66	50.25		ĐẠT
187	Lê Công Thành	Tâm	26/11/1992	Đắk Lắk	0877	52.75	36.5	57		46	KHÔNG ĐẠT
188	Nguyễn Đặng Phương	Tâm	18/04/1973	Bình Định	0878	39.25	54	63	25.5		KHÔNG ĐẠT
189	Tô Võ Yên	Tâm	10/08/1999	TP. HCM	0881	35.5	57.5	86	41.5		KHÔNG ĐẠT
190	Trần Minh	Tâm	10/01/1989	Kiên Giang	0882	50	30	63		33.75	KHÔNG ĐẠT
191	Bùi Ngọc	Tân	10/08/1986	BR-VT	0883	43.25	73.25	84	38.75		KHÔNG ĐẠT
192	Lâm Ngọc	Tân	10/08/1992	Kiên Giang	0885	41.25	60	59	43		KHÔNG ĐẠT
193	Phạm Minh	Tân	24/04/1992	TP. HCM	0887	41.25	50.5	55	37.75		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và U'XNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và U'XNNLSVN	KẾT QUẢ
194	Lê Văn	Tấn	24/04/1988	Vĩnh Long	0889	37.5	67.5	57	36.75		KHÔNG ĐẠT
195	Trần Quốc	Thái	20/01/1995	TP. HCM	0894	43.25	88.25	83	45.75		KHÔNG ĐẠT
196	Trần Văn	Thái	16/08/1990	TP. HCM	0895	38.5	61.5	59	45		KHÔNG ĐẠT
197	Nguyễn Văn	Thâm	05/11/1959	Long An	0896	55	24.5	50.5		18	KHÔNG ĐẠT
198	Phạm Bình	Thắng	14/07/1989	TP. HCM	0899	35	40.5	57.5	31.75	45	KHÔNG ĐẠT
199	Quảng Đại	Thắng	10/05/1998	TP. HCM	0900	43.75	80.5	61.5	32.5		KHÔNG ĐẠT
200	Hồ Ngọc	Thanh	01/07/1978	Cần Thơ	0903	47.5	54.25	56.5	39.5		KHÔNG ĐẠT
201	La Thị Phương	Thanh	20/05/1982	TP. HCM	0904	43	54	60	40		KHÔNG ĐẠT
202	Nguyễn Hải	Thanh	04/07/1990	BR-VT	0907	37.75	64.5	59.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
203	Nguyễn Tuyết	Thanh	22/05/1997	Đồng Nai	0910	46.25	86.375	56.5	30.75		KHÔNG ĐẠT
204	Phan Thị Xiêm	Thanh	08/03/1984	Tp. HCM	0911	23	31.5	50	15.5	30.25	KHÔNG ĐẠT
205	Lê Tấn	Thành	27/09/1973	TP. HCM	0918	21.25	68.25	65.5	30.5		KHÔNG ĐẠT
206	Trương Công	Thành	11/01/1998	TP. HCM	0926	30.75	56	52.5	32.5		KHÔNG ĐẠT
207	Lê Hồng	Thao	03/01/1970	Đồng Nai	0928	35	57	50	42		KHÔNG ĐẠT
208	Đoàn Ngọc Phương	Thảo	01/12/1999	TP. HCM	0929	44.5	60.5	62.5	40		KHÔNG ĐẠT
209	Lê Thị Phương	Thảo	05/07/1984	Tp. HCM	0931	44.5	65.75	65	34.5		KHÔNG ĐẠT
210	Trần Minh	Thảo	16/05/1999	TP. HCM	0943	43	64.25	62.5	47.75		KHÔNG ĐẠT
211	Trần Minh	Thảo	19/09/1998	Tp. HCM	0944	35.25	84.25	57.5	46.5		KHÔNG ĐẠT
212	Trương Thị Mai	Thảo	06/06/1990	Cần Thơ	0946	42.25	69.5	67.5	48.25		KHÔNG ĐẠT
213	Nguyễn Anh	Thi	19/06/1979	TP. HCM	0954	38.625	51.5	75	25.25		KHÔNG ĐẠT

ĐD Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
214	Ngô Mạnh	Thiên	11/08/1997	Tp. HCM	0958	41.25	89.5	70	30.75		KHÔNG ĐẠT
215	Nguyễn Đại	Thiện	09/10/1991	Đà Nẵng	0962	39.75	51	70	50		ĐẠT
216	Nguyễn Minh	Thiện	03/11/1990	TP. HCM	0964	27	72	80	24.5		KHÔNG ĐẠT
217	Nguyễn Đức	Thịnh	16/09/1999	TP. HCM	0971	32	52	75	47.25		KHÔNG ĐẠT
218	Trần Quang	Thịnh	18/06/1997	Đà Nẵng	0974	45	43.75	70	42.25	45.25	KHÔNG ĐẠT
219	Lê Thị Hồng	Thơ	27/10/1998	TP. HCM	0977	45.5	57.5	62.5	42.75		KHÔNG ĐẠT
220	Nguyễn Thị	Thơm	25/04/1995	TP. HCM	0982	43.75	76.5	50	45.75		KHÔNG ĐẠT
221	Hồ Đức	Thông	21/10/1996	TP. HCM	0983	40.25	69.5	67.5	48		KHÔNG ĐẠT
222	Nguyễn Thị Anh	Thư	08/12/1997	TP. HCM	0996	37.5	60.5	50	34.75		KHÔNG ĐẠT
223	Trương Anh	Thư	03/06/1998	TP. HCM	1003	38.25	60	72.5	44.5		KHÔNG ĐẠT
224	Phạm Ngọc	Thuận	24/08/1974	Tp. HCM	1009	42.5	53	72.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
225	Nguyễn Thiện	Thức	07/05/1973	Cần Thơ	1012	50	38.5	62.5		39.75	KHÔNG ĐẠT
226	Võ Dương Trường	Thức	02/09/1999	Đồng Nai	1013	40	50	50	31.5		KHÔNG ĐẠT
227	Nguyễn Thị	Thương	17/05/1990	TP. HCM	1016	33.25	50.25	75	28		KHÔNG ĐẠT
228	Phạm Thùy	Thương	26/05/1990	TP. HCM	1018	42	65	50	37.5		KHÔNG ĐẠT
229	Lê Cao	Thưởng	05/05/1985	Tp. HCM	1020	39	37.75	50	34	44.75	KHÔNG ĐẠT
230	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	20/04/1997	Tp. HCM	1022	53.5	43.75	52.5		34.75	KHÔNG ĐẠT
231	Trần Thị Thanh	Thúy	20/01/1988	Đồng Nai	1032	45	62.5	57.5	37.25		KHÔNG ĐẠT
232	Lại Thị	Thủy	25/12/1981	TP. HCM	1040	42	78	55	39.25		KHÔNG ĐẠT
233	Nguyễn Thị	Thủy	20/12/1973	Đồng Nai	1044	33	70	50	26.5		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
234	Nguyễn Thị	Thủy	19/11/1997	TP. HCM	1045	39.25	73	60	38		KHÔNG ĐẠT
235	Trần Thị Thanh	Thủy	14/03/2000	TP. HCM	1051	38.25	75.25	50	42		KHÔNG ĐẠT
236	Phan Thị Cẩm	Thuyên	25/02/1988	Tp. HCM	1052	33.5	76	55	28		KHÔNG ĐẠT
237	Lê Văn	Thuyết	19/09/1998	TP. HCM	1053	45	53.75	62.5	33.25		KHÔNG ĐẠT
238	Hoàng Thị Cẩm	Tiên	16/08/1998	TP. HCM	1058	41.75	57	55	27		KHÔNG ĐẠT
239	Nguyễn Hữu	Tín	03/03/1998	TP. HCM	1072	42.25	82	65	48		KHÔNG ĐẠT
240	Nguyễn Đình	Tĩnh	04/08/1995	TP. HCM	1075	39.125	73.5	75	42.75		KHÔNG ĐẠT
241	Trần Văn	To	12/09/1962	Trà Vinh	1076	24	42	65	27.75	35.25	KHÔNG ĐẠT
242	Trần Ngọc	Toàn	21/05/1986	Đồng Nai	1079	33.5	57.5	60	30.75		KHÔNG ĐẠT
243	Đỗ Thị Bích	Trâm	10/02/1997	TP. HCM	1082	43.25	65.5	55	42		KHÔNG ĐẠT
244	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	23/01/1995	TP. HCM	1085	41.5	78.75	86	50.75		ĐẠT
245	Nguyễn Ngọc Mai	Trâm	23/11/2000	TP. HCM	1086	45.5	55.75	72.5	48.75		KHÔNG ĐẠT
246	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12/03/1993	TP. HCM	1087	39	71.5	88.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
247	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	24/03/1992	Tp. HCM	1088	34	53.5	79.5	29		KHÔNG ĐẠT
248	Võ Thị Bích	Trâm	12/08/1997	Hậu Giang	1091	40.25	64	71.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
249	Lê Duy	Trân	09/08/1995	Bình Thuận	1096	42	64	61.5	44.75		KHÔNG ĐẠT
250	Mã Thái	Trân	01/01/1996	TP. HCM	1099	43.25	64	82	40.25		KHÔNG ĐẠT
251	Nguyễn Thị Kiều	Trang	03/10/1992	Tây Ninh	1111	45.25	66.5	60	40		KHÔNG ĐẠT
252	Nguyễn Thụy Quỳnh	Trang	07/05/1984	TP. HCM	1114	45.25	52	65	42.75		KHÔNG ĐẠT
253	Phùng Thị Hiền	Trang	24/02/1992	TP. HCM	1120	54.75	36.75	70		35.75	KHÔNG ĐẠT

ĐD Nmb

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phức tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phức tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
254	Võ Quốc Cứu	Trạng	10/05/1998	Đồng Nai	1126	42	63.25	70	41		KHÔNG ĐẠT
255	Nguyễn Từ Trọng	Trí	08/08/1989	Tp. HCM	1128	29	34.75	52.5	20.75	33.375	KHÔNG ĐẠT
256	Phan Minh	Trí	24/02/1991	TP. HCM	1129	34.75	52	65	39.75		KHÔNG ĐẠT
257	Vũ Minh	Trí	08/02/1993	Tp. HCM	1130	42	74	67.5	29		KHÔNG ĐẠT
258	Nguyễn Quốc	Triều	15/10/1997	TP. HCM	1131	40	60.5	60	38.25		KHÔNG ĐẠT
259	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	28/05/1995	Đồng Tháp	1136	42	75.25	60	28		KHÔNG ĐẠT
260	Võ Huỳnh	Trinh	18/09/1999	TP. HCM	1138	39.25	67	55	38.25		KHÔNG ĐẠT
261	Trần Văn	Trộn	08/06/1983	TP. HCM	1144	40.5	68.5	60	33.25		KHÔNG ĐẠT
262	Tạ Quang Thạch	Trúc	27/11/1989	Đắk Lắk	1153	40.5	54.5	50	35.75		KHÔNG ĐẠT
263	Huỳnh Hoài	Trung	04/06/1997	Đồng Tháp	1157	35.75	56.5	75	38.25		KHÔNG ĐẠT
264	Huỳnh Sơn	Trung	03/06/1976	Tp. HCM	1158	30.5	59.5	60	36.75		KHÔNG ĐẠT
265	Lê Minh	Trung	10/08/1989	Cần Thơ	1159	41.25	66.5	52.5	38.25		KHÔNG ĐẠT
266	Nguyễn Thanh	Trung	08/02/1982	Tp. HCM	1162	50	47	70		52	ĐẠT
267	Võ Mai	Trung	29/10/1983	An Giang	1167	43.75	62.75	50	34.75		KHÔNG ĐẠT
268	Võ Văn	Trung	11/10/1976	TP. HCM	1168	29.75	61.25	50	33.5		KHÔNG ĐẠT
269	Nguyễn Thanh	Tú	10/04/1972	Cần Thơ	1172	31.25	61.75	50	29.75		KHÔNG ĐẠT
270	Trần Thanh Ngọc	Tú	02/01/1978	Cần Thơ	1173	52.5	38.5	62.5		50	ĐẠT
271	Nguyễn Thế	Tuân	15/05/1985	BR-VT	1174	31.75	50	55	32.75		KHÔNG ĐẠT
272	Huỳnh Anh	Tuấn	25/10/1987	TP. HCM	1183	39	58.75	60	40		KHÔNG ĐẠT
273	Nguyễn Hữu	Tuấn	04/10/1988	Đồng Nai	1187	38.25	65.25	67.5	38.75		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
274	Nguyễn Ngọc	Tuấn	20/01/1980	TP. HCM	1190	38.5	55.25	60	50		ĐẠT
275	Phan Thanh	Tuấn	05/10/1990	TP. HCM	1194	37.75	85.75	57.5	33.5		KHÔNG ĐẠT
276	Lê Văn	Tùng	09/03/1997	Đà Nẵng	1201	41	63	62.5	29.25		KHÔNG ĐẠT
277	Vũ Thanh	Tùng	05/06/1981	Đồng Nai	1205	40.25	70.5	62.5	32.75		KHÔNG ĐẠT
278	Bùi Linh	Túng	01/12/1998	Đồng Tháp	1206	38.75	72	57.5	47.75		KHÔNG ĐẠT
279	Nguyễn Thanh	Tùng	08/10/1979	TP. HCM	1208	22.25	50	57.5	15.5		KHÔNG ĐẠT
280	Nguyễn Huy	Tướng	05/03/1974	Bình Phước	1210	34.5	56.75	52.5	23.25		KHÔNG ĐẠT
281	Phạm Thị Thanh	Tuyển	14/11/1997	TP. HCM	1214	38	74.5	62.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
282	Võ Duy	Tuyển	06/10/1974	BR-VT	1215	41.25	42	57.5	36.75	40	KHÔNG ĐẠT
283	Đặng Ngọc	Tuyền	03/05/1996	TP. HCM	1216	38.5	61	52.5	26		KHÔNG ĐẠT
284	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	04/08/1992	Tp. HCM	1217	40.5	75.5	60	37.5		KHÔNG ĐẠT
285	Hoàng Phương	Uyên	19/11/1997	TP. HCM	1229	45.75	74.75	77.5	35.75		KHÔNG ĐẠT
286	Đinh Thị Thu	Vân	18/06/1993	Tp. HCM	1240	41	77	57.5	31.75		KHÔNG ĐẠT
287	Doãn Thị Thanh	Vân	23/08/1988	TP. HCM	1242	41.5	87.25	72.5	40		KHÔNG ĐẠT
288	Nguyễn Thị Hồng	Vân	23/08/1989	Tp. HCM	1246	42.75	67.5	50	50.5		ĐẠT
289	Nguyễn Thị Thùy	Vân	20/02/1981	Cà Mau	1248	51.25	38.5	50		39.5	KHÔNG ĐẠT
290	Phạm Công	Vân	18/09/1963	Lâm Đồng	1249	22.5	14	30	22.5	13.25	KHÔNG ĐẠT
291	Trần Thùy	Vân	15/09/1997	TP. HCM	1254	28.75	56	65	35.75		KHÔNG ĐẠT
292	Võ Thị	Vân	05/01/1975	Tp. HCM	1255	41.25	58	70	35.75		KHÔNG ĐẠT
293	Nguyễn Anh	Văn	02/04/1975	Đồng Nai	1257	37.25	66	60	44		KHÔNG ĐẠT

ĐD Anh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
294	Phạm Văn	Việt	05/09/2000	Đà Nẵng	1272	40	64	77.5	42.75		KHÔNG ĐẠT
295	Bùi Thế	Vinh	25/11/1994	TP. HCM	1276	35.5	57	62.5	50		ĐẠT
296	Lê Văn	Vinh	21/12/1984	TP. HCM	1279	40.75	63	52.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
297	Nguyễn Gia	Võ	18/02/1997	Tp. HCM	1285	41.5	58.5	60	19.75		KHÔNG ĐẠT
298	Nguyễn Minh	Vũ	21/07/1993	TP. HCM	1288	45	68.5	57.5	37.25		KHÔNG ĐẠT
299	Nguyễn Cao Trường	Vũ	19/09/1999	TP. HCM	1292	41.75	61	52.5	46.75		KHÔNG ĐẠT
300	Lê Thịnh	Vượng	30/03/1976	TP. HCM	1296	43	93.5	52.5	25.75		KHÔNG ĐẠT
301	Lê Hoàng Quỳnh	Vy	18/09/1985	TP. HCM	1299	39.25	77.75	52.5	35.5		KHÔNG ĐẠT
302	Nguyễn Phạm Thanh	Xuân	03/01/1997	TP. HCM	1311	47	79	64	34		KHÔNG ĐẠT
303	Đinh Thị Như	Ý	15/03/1994	Quảng Nam	1314	43	51.75	57	40		KHÔNG ĐẠT
304	Lưu Khã	Ý	25/06/2000	TP. Huế	1316	41.25	42.625	50	35.75	39.375	KHÔNG ĐẠT
305	Nguyễn Diễm	Yến	19/11/1990	TP. HCM	1324	41.5	76.5	69	50		ĐẠT
306	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/01/1993	Cà Mau	1325	53.25	43.25	73		43.75	KHÔNG ĐẠT

Đ. N. M.